

Bản án số: **30/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/02/2023.

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Anh Tuấn**.

Bà **Lò Thị Cải**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lò Thị Hoà**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên;

Ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06/02/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Hoàng Quang S**; sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Thôn C4, xã TH, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Nơi công tác (nghề nghiệp): Giáo viên trường Tiểu học số 2, xã PK, thành phố ĐBP, tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**; Sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn C4, xã TH, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Hoàng Quang S trình bày:

1. Về hôn nhân: Ông Hoàng Quang S và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn và cũng không tổ chức đám cưới (thời điểm đó cả ông S và bà L đều công tác tại phòng Giáo dục và Đào tạo huyện TC, tỉnh LC, nay là tỉnh Điện Biên). Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, sau đó đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung nhưng vì nghĩ đến các con còn nhỏ, thiếu thôn tình cảm. Ông S và

bà L lại ngồi lại nói chuyện đề cùng nhau nuôi dạy các con. Tưởng rằng cuộc sống cứ thế trôi đi, sống vì gia đình và các con nhưng càng cố gắng thì càng mâu thuẫn mà không thể hòa giải được. Từ năm 2018 đến nay ông S và bà L đã chính thức sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông S làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên tuyên chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Ông Hoàng Quang S và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là cháu Hoàng Quang T; sinh ngày 25/7/1989 và cháu Hoàng Quang T1; sinh ngày 26/7/1996; Các cháu đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống gia đình riêng. Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Ông S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 19/12/2022, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của ông Hoàng Quang S. Toà án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 56/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tổng đạt trực tiếp cho bà Nguyễn Thị L tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng bà L không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì bà L từ chối nhận, bà L không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng thôn C4, xã TH, huyện DB, tỉnh Điện Biên nơi bà L cư trú thì Trưởng thôn C4, xã TH, huyện DB cho biết bà L đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C4, xã TH, huyện DB, tỉnh Điện Biên nhưng hiện nay bà L đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy bà L đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại Thôn C4, xã TH, huyện DB, tỉnh Điện Biên và UBND xã TH, huyện DB; Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này bà L cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại phiên tòa bà L vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 22/02/2023. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy

triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định. Ông Hoàng Quang S vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Về con chung; về quan hệ tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai Ông đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 19/12/2022 ông Hoàng Quang S nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên đối với bà Nguyễn Thị L có địa chỉ tại Thôn C4, xã TH, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Ngày 19/12/2022 ông S đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông S theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa ông Hoàng Quang S và bà Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện DB, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc bà L không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do bà L đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân:

Hôn nhân giữa ông S và bà L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân từ năm 1988 nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống từ năm 1988 cho đến nay ông S và bà L cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Do đó đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên được coi là hôn nhân không hợp pháp. Trong quá

trình chung sống thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, sau đó đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2018 đến nay ông S và bà L đã chính thức sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay ông S làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện ĐB tuyên chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị L. Tòa án đã thông báo cho bà L được biết, nhưng bà L từ chối nhận và bà L không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập bà L nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bà L vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa ông S vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông được chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị L. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho ông S khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, vì vậy cần thiết phải tuyên bố quan hệ giữa ông S và bà L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Xét về con chung: Ông Hoàng Quang S và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là cháu Hoàng Quang T; sinh ngày 25/7/1989 và cháu Hoàng Quang T1; sinh ngày 26/7/1996; Các cháu đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống gia đình riêng. HĐXX không xem xét.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Hoàng Quang S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Hoàng Quang S và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Hoàng Quang S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST ông S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005112 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự ông Hoàng Quang S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS HDB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan